TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/HS-ST
Ngày: 28/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Huy và ông Nguyễn Thế Sinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Danh**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Cu em; sinh ngày 24 tháng 9 năm 1988, tại thành phố H; Số CCCD: 046088015355; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lái xe; nơi thường trú: 1 A, phường A, thành phố H; con ông: Lê T, sinh năm 1964 và con bà: Dương Thị S (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990; con: Lê Anh T1, sinh năm 2011; gia đình có 02 (Hai) người và bị cáo là con thứ 02 (Hai) trong gia đình.

Quá trình nhân thân:

- Lúc nhỏ ở với gia đình tại địa chỉ 1 A, phường A, thành phố H. Lớn lên đi học văn hóa đến lớp 11/12 thì nghỉ học rồi học nghề lái xe. Sau đó làm nghề lái xe đến cuối năm 2025 thì nghỉ việc, cho đến ngày phạm tội.

- Ngày 17/01/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố H (cũ) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. (Bản án số 09/2007/HSST).

- Ngày 14/7/2014 bị Công an thành phố H (cũ) xử phạt hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi "Sử dụng vũ khí (súng tự chế)". (Quyết định số 131/QĐ-XPHC).

- Ngày 14/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". (Bản án số 87/2018/HSST).

- Ngày 29/01/2019, bị cáo Lê D chấp hành xong án phạt tù, trở về địa phương sinh sống tại phường A, thành phố H. (Giấy chứng nhận số 58/GCN của trại giam B, thành phố H).

- Ngày 04/01/2020 bị Công an thành phố H (cũ) xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". (Quyết định số 1112/QĐ-XPHC).

- Ngày 14/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". (Bản án số 193/2020/HSST).

- Ngày 17/10/2021, bị cáo Lê D chấp hành xong án phạt tù, trở về địa phương sinh sống tại P, thành phố H. (Giấy chứng nhận số 791/GCN của trại giam B, thành phố H).

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 04/01/2020 bị Công an thành phố H (cũ) xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định số 1112/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 26/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Hương Thủy cơ sở 2, Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 16/01/2026, Công an phường A tiến hành tuần tra tại khu vực Nghĩa trang liệt sĩ thành phố H, ở đường T, phường A, thành phố H; qua tuần tra, phát hiện Lê D, có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên đã yêu cầu về trụ sở Công an phường để làm việc.

Quá trình điều tra xác định: Do muốn sử dụng chất ma túy nên vào tối ngày 15/01/2026, D đi đến khu vực bờ hồ, phía sau lưng nhà sách P, đường T, thành phố H, rồi gặp và mua của một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lại lịch) 30 viên ma túy "hồng phiến" và 01 gói ma túy "đá" với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau đó, D đưa số ma túy trên về nhà ở tại D T, phường A, thành phố H, rồi sử dụng hết 03 viên ma túy "hồng phiến", số ma túy còn lại D cất giấu trên ghế gỗ trong phòng ngủ của D.

Cơ quan Cảnh sát Công an thành phố H đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Lê Danh . Kết quả D dương tính với chất ma túy nhóm "MET".

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở tại địa D T, phường A, thành phố H. Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ:

- 01 (một) ống nhựa được cuốn băng keo màu đen (có nắp), bên trong có chứa 23 (hai mươi ba) viên nén hình trụ tròn màu đỏ, một mặt có ký tự "WY".

- 02 (hai) viên nén hình trụ tròn màu xanh, một mặt có ký tự "A", một mặt có ký tự "Y1"; nhiều mảnh vụn của viên nén màu đỏ.

- 01 (một) túi ni lông viền đỏ bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 24116941, có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Điều tra viên Đặng Hoàng S1, Lê D và 01 (một) dấu tròn đỏ Công an phường A.

Tại Cơ quan điều tra, Lê D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nói trên.

Tại bản kết luận giám định số 66/KL-KTHS ngày 20/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận:

- 23 (hai mươi ba) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ và các mảnh vụn của viên nén màu đỏ gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 2,4140g (hai phẩy bốn một bốn không gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

- 02 (hai) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh gửi giám định (nêu tại mục 1.2, phần II) có tổng khối lượng là 0,2142g (không phẩy hai một bốn hai gam), là ma tuý, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.3, phần II) có khối lượng là 0,6830g (không phẩy sáu tám ba không gam), là ma tuý, loại Methamphetamine.

Sau khi giám định, Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục tạm giữ gồm:

+ 2,2140g (hai phẩy hai một bốn không gam) mẫu bột được nghiền từ 23 (hai mươi ba viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ và các mảnh vụn của viên nén màu đỏ (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ 0,5830g (không phẩy năm tám ba không gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.3, phần II);

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.

Không hoàn lại 02 (hai) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh (nêu tại mục 1.2, phần II) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H vì đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS-KV1 ngày 29 tháng 4 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố bị cáo Lê D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Danh T2 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 17/01/2026.

** Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy số ma túy được

hoàn lại sau khi đã giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTYQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/01/2026, tại địa chỉ D T, phường A, thành phố H, Lê D đang có hành vi tàng trữ trái phép 3,3112 gam (ba phẩy ba một một hai gam) ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế truy tố bị cáo Lê D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân phát sinh các loại tệ nạn xã hội. Do vậy, cần xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê D có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù và xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "người thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều

51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích ở trên, trên cơ cở khung hình phạt quy định, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành công dân tốt cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở đúng pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số lượng ma túy bị thu giữ được hoàn lại sau khi đã giám định; xét thấy đây là những loại vật chứng liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về Trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 17/01/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: Túi niêm phong mã số PS3 23043091, bên trong chứa mẫu ma túy loại M và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định, bên trên có chữ ký của ĐTV Đặng Hoàng S1, GĐV Lê Thị Tuyết A, dấu tròn đỏ của Phòng K Công an thành phố H, ghi chú "*Hoàn mẫu vật vụ Lê D bắt ngày 16/01/2026"*.

Tình trạng vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Phòng thi hành dân sự Khu vực 1 - Huế ngày 27/5/2026.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV06 Công an TP. Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- CQCSĐT Công an thành phố Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- PTTG Khu vực Hương Thủy – Cơ sở 2;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; Lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng